

Số: 63/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN
SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

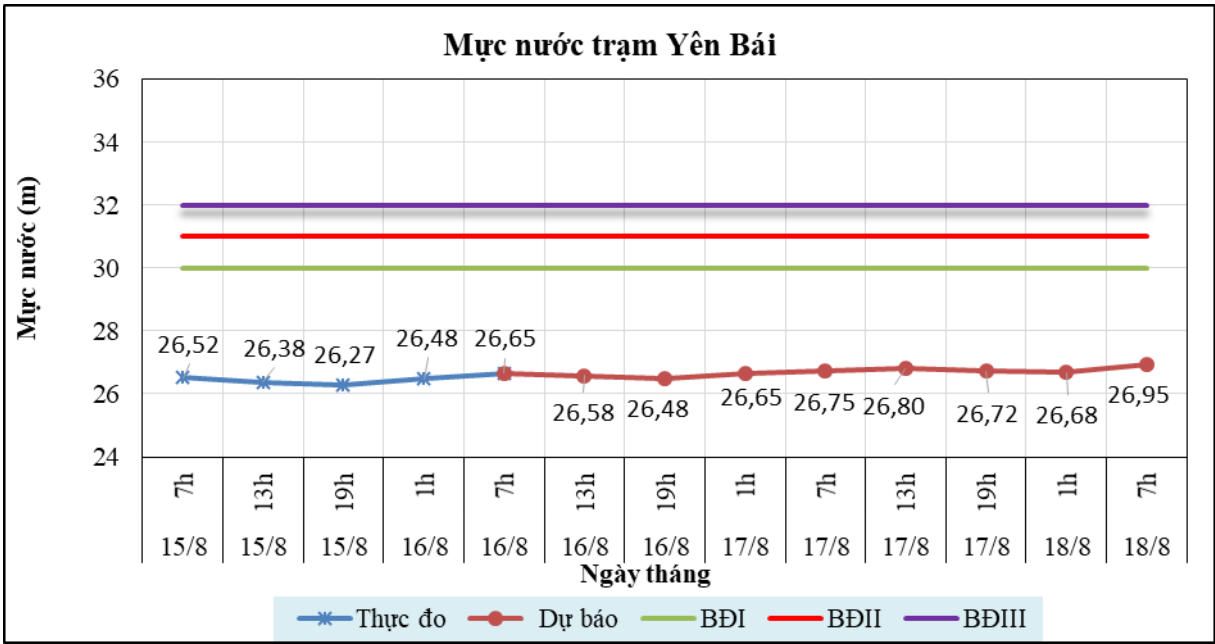
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

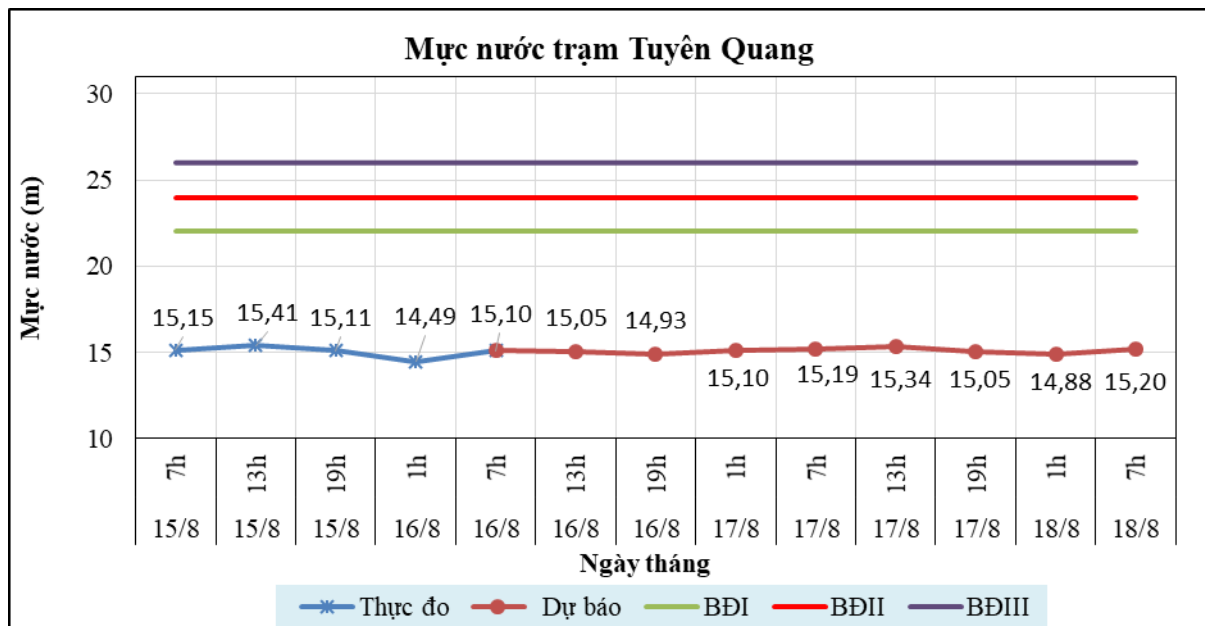
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

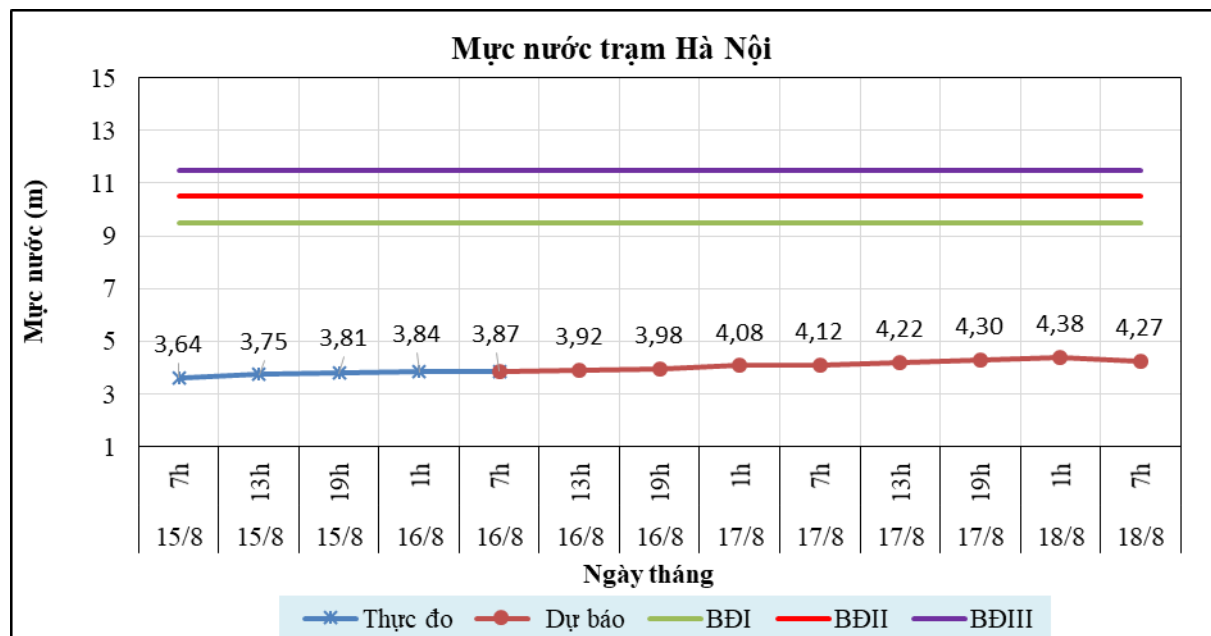
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế tăng.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

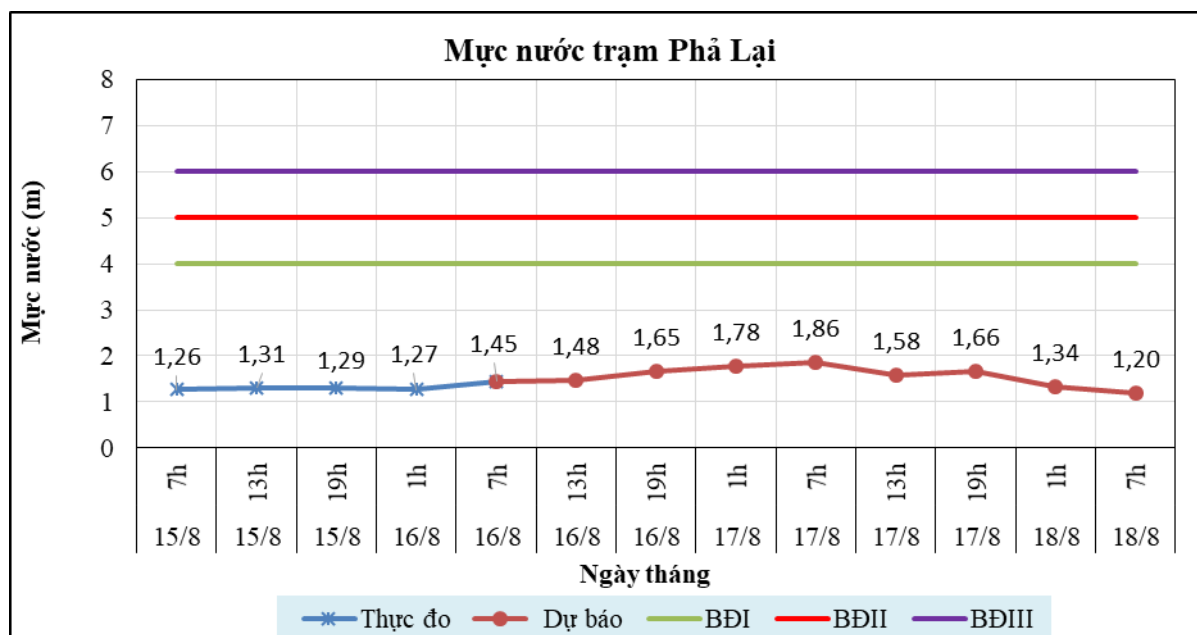
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

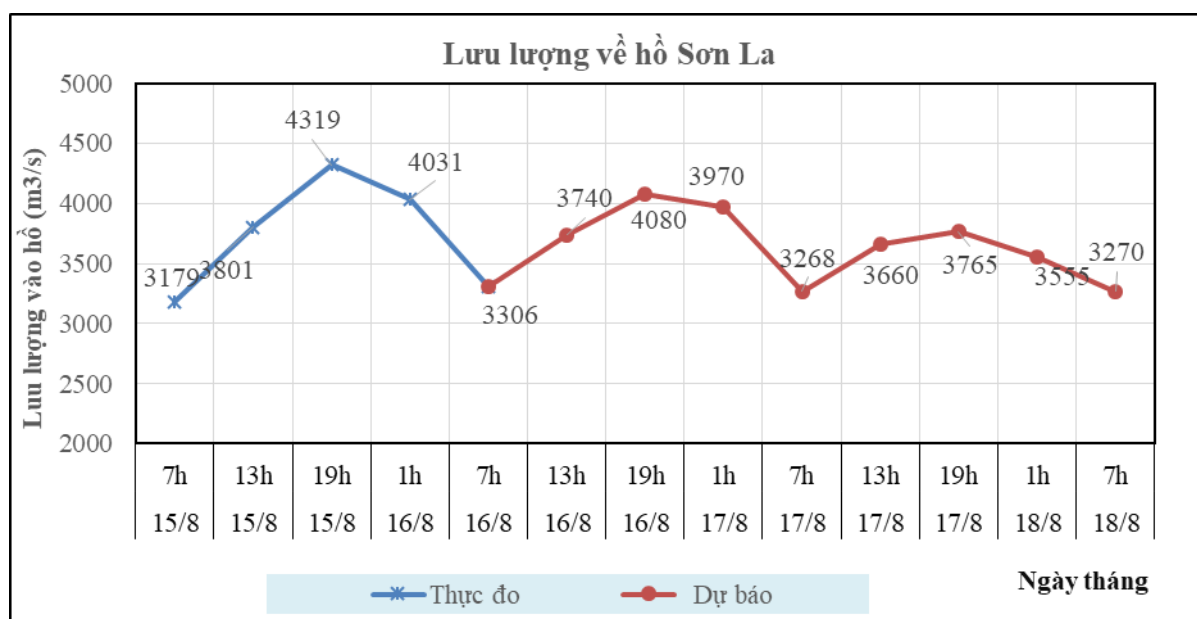
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

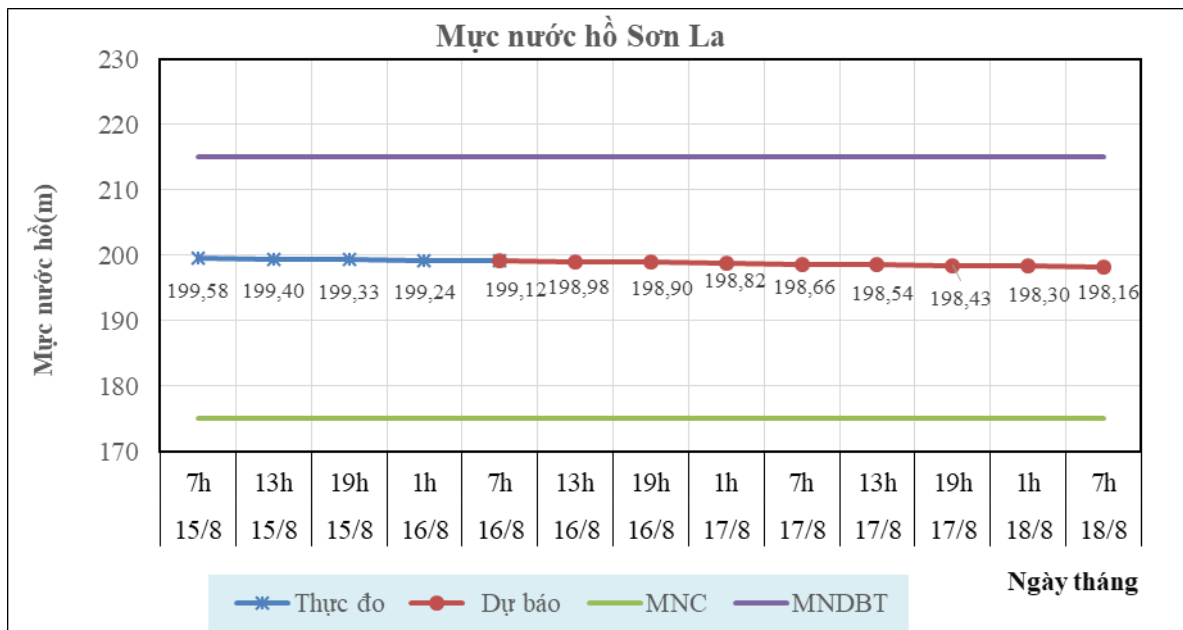
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 16/08/2025 đạt $3306\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 199,12m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $3268\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 198,66m, 48h tới lưu lượng đạt $3270\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 198,16m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

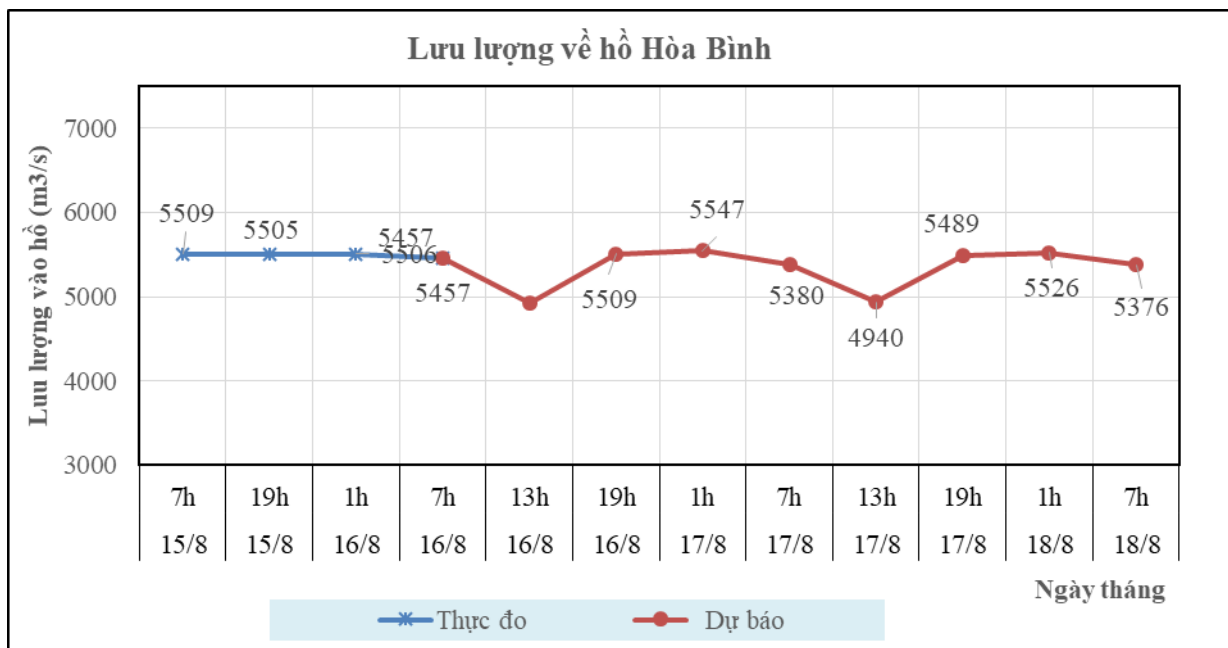
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

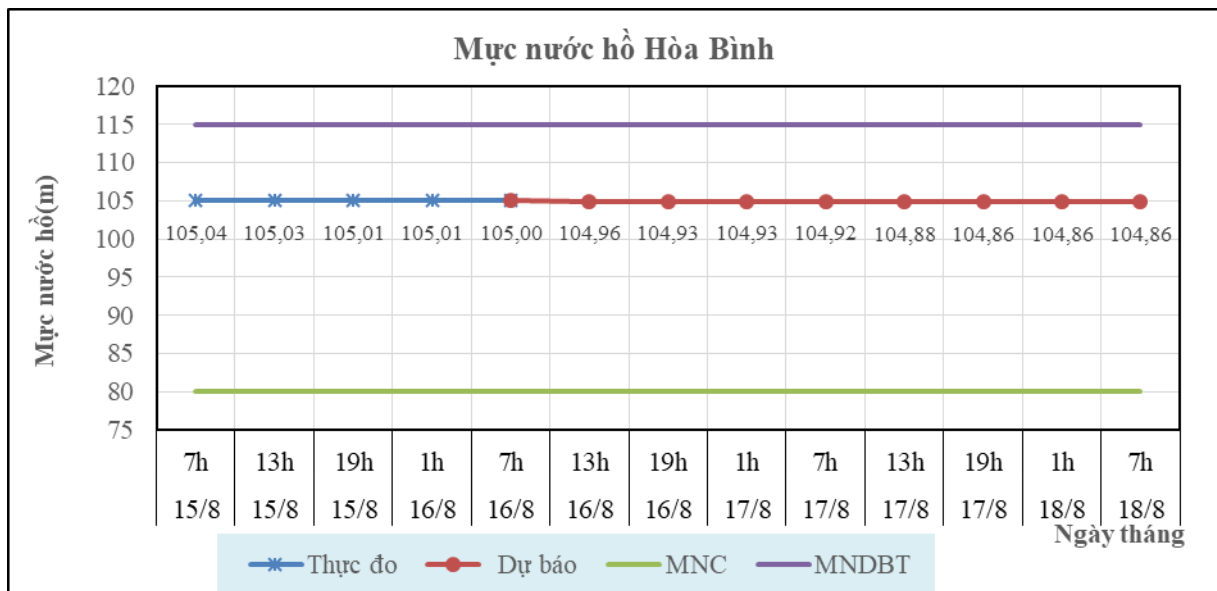
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 16/08/2025 đạt $5457\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 105m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $5380\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 104,92m, 48h tới lưu lượng đạt $5376\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 104,86m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

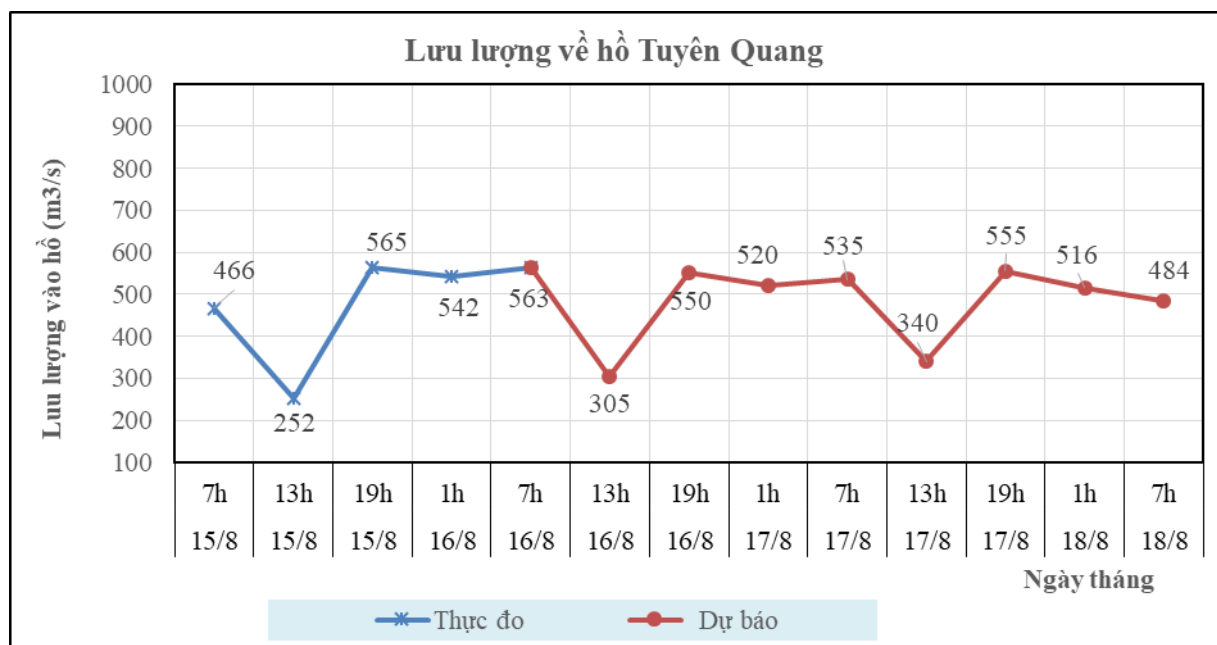
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

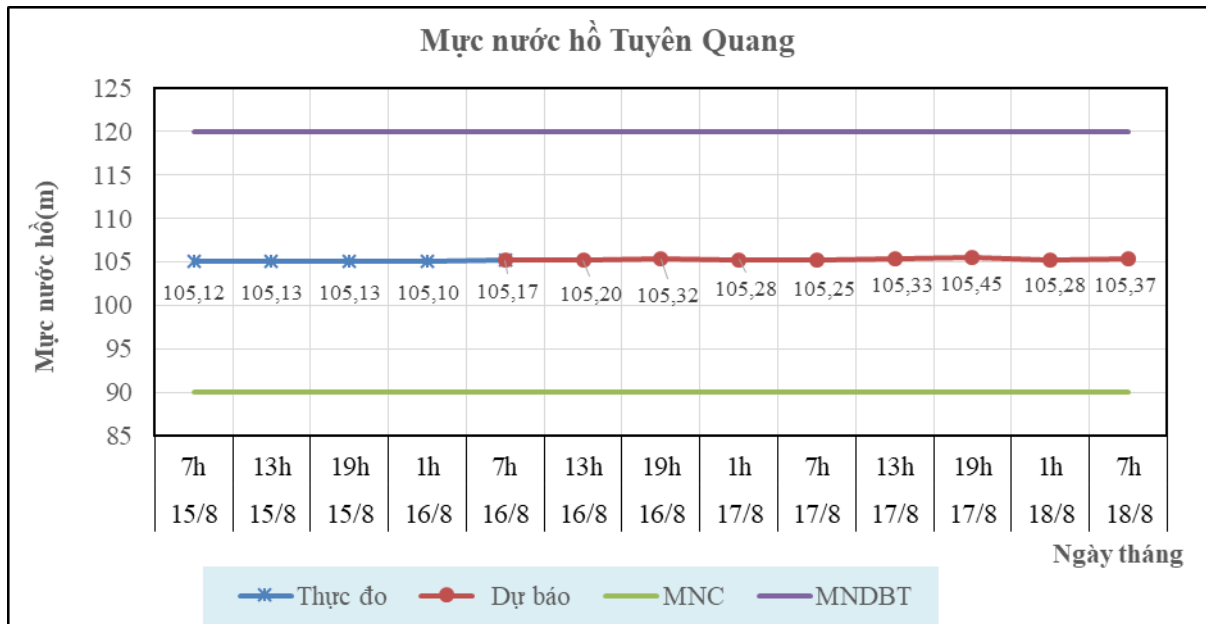
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 16/08/2025 đạt $563\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 105,17m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $535\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 105,25m, 48h tới lưu lượng đạt $484\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 105,37m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

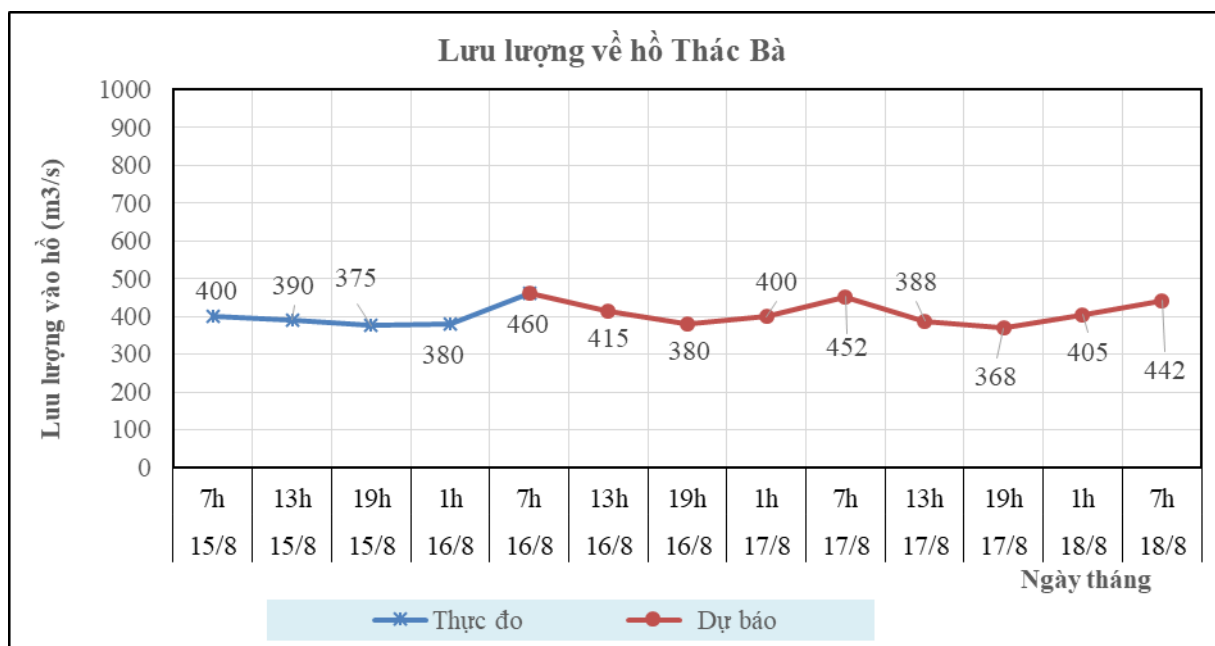
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

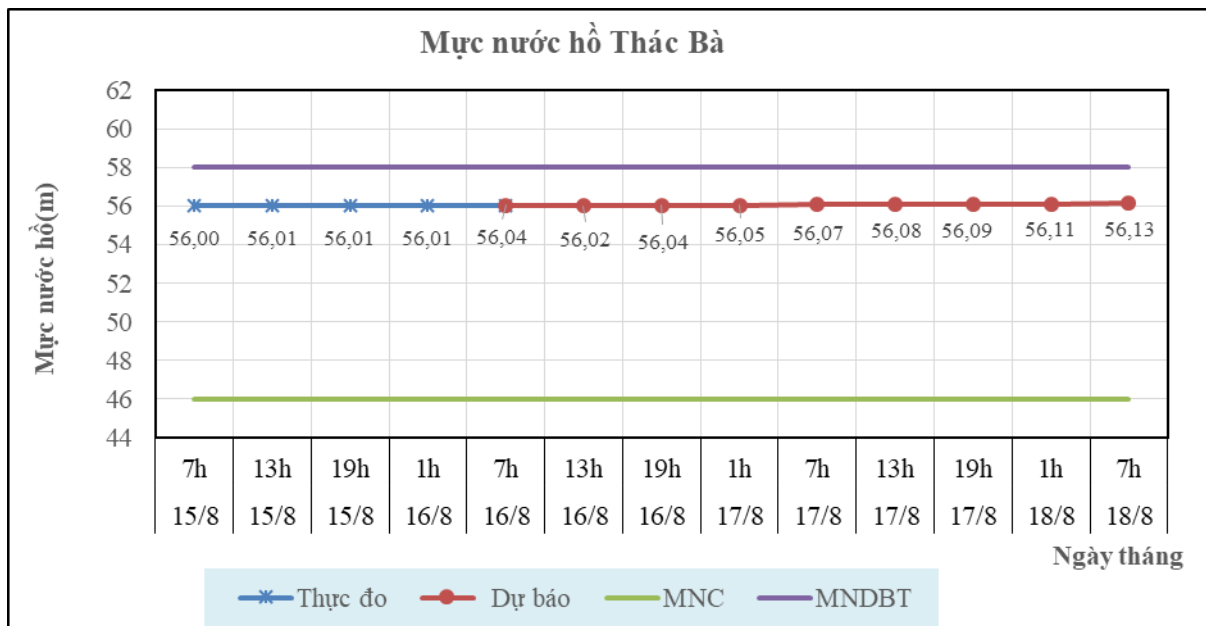
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 16/08/2025 đạt $460\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 56,04m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $452\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 56,07m, 48h tới lưu lượng đạt $442\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 56,13m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)
1	16/08/2025	13h	1	0	3740	4850	198,98	2	0	4920	5510	104,96	0	0	305	0	105,20	0	0	415	60	56,02
2		19h	1	0	4080	4600	198,90	2	0	5509	5515	104,93	0	0	550	730	105,32	0	0	380	439	56,04
3	17/08/2025	1h	1	0	3970	4860	198,82	2	0	5547	5500	104,93	0	0	520	239	105,28	0	0	400	157	56,05
4		7h	1	0	3268	4700	198,66	2	0	5380	5480	104,92	0	0	535	250	105,25	0	0	452	157	56,07
5		13h	1	0	3660	4680	198,54	2	0	4940	5425	104,88	0	0	340	0	105,33	0	0	388	80	56,08
6		19h	1	0	3765	4800	198,43	2	0	5489	5540	104,86	0	0	555	730	105,45	0	0	368	411	56,09
7	18/08/2025	1h	1	0	3555	4810	198,30	2	0	5526	5480	104,86	0	0	516	239	105,28	0	0	405	157	56,11
8		7h	1	0	3270	4700	198,16	2	0	5376	5460	104,86	0	0	484	239	105,37	0	0	442	157	56,13